

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG CHO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Nguyễn Quyết Thắng

Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (Hutech)

Email: nq.thang@hutech.edu.vn; thang1410@gmail.com

Ngày nhận: 24/3/2017

Ngày nhận bản sửa: 12/4/2017

Ngày duyệt đăng: 25/5/2017

Tóm tắt:

Đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập hiện nay có vai trò quan trọng đối với Việt Nam và các nước tiểu vùng sông Mekong. Trong những năm qua, Vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có sự phát triển du lịch nhanh chóng, số lượng khách đến vùng tăng nhanh qua các năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2012 – 2016 là 16%/năm. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như việc đầu tư nhiều nơi vẫn chưa thực sự hiệu quả; chưa khai thác hết tiềm năng hợp tác của các địa phương; vấn đề về xử lý môi trường của nhiều đơn vị du lịch chưa tốt; việc phát triển sản phẩm của Vùng vẫn bị trùng lặp... Dựa trên việc đánh giá thực trạng và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng, Bài viết đã đề xuất 6 nhóm giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững của Vùng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Từ khóa: bối cảnh hội nhập, yếu tố ảnh hưởng, phát triển du lịch bền vững, thực trạng và giải pháp, Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Solutions for the development of sustainable tourism in the Mekong Delta in the context of international integration

Abstract

Sustainable tourism development in the Mekong Delta in the context of international integration is critical to Vietnam and Mekong sub-region countries. In the past years, the Mekong Delta has seen rapid growth in tourism with the number of visitors increasing significantly over the years and an average growth rate of 16% per year during the period of 2012-2016. However, there are still shortcomings such as ineffective investment, unexploited cooperation potentials of localities, environmental issues, the lack of a unique tourism products, etc. By analyzing current situations and impact factors, the research proposes six groups of solutions in order to contribute to sustainable tourism development in the Mekong Delta in the context of international integration.

Key words: International integration, affecting factors, sustainable tourism development, the Mekong Delta.

1. Giới thiệu

Vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam còn được gọi là Vùng đồng bằng Nam Bộ (hay miền Tây Nam Bộ) gồm 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc trung ương (Thành phố Cần Thơ và các

tỉnh An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long). Diện tích 40.602,3 km², dân số 17.695.300 người sinh sống, chiếm 20,5% dân số cả nước (Tổng cục Thống kê,

2016). Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng kinh tế, văn hoá, chính trị đặc biệt quan trọng của khu vực phía Nam, nằm liền kề với thành phố Hồ Chí Minh và là cửa ngõ thuận tiện với các nước Đông Nam Á. Đây là khu vực có tiềm năng độc đáo về du lịch, không giống với vùng miền nào của cả nước.

Trong bối cảnh đất nước đang hội nhập nhanh với khu vực và thế giới. Bên cạnh việc hợp tác song phương và đa phương với các nước trong khu vực và quốc tế thì hợp tác trong khối ASEAN ngày càng tăng cường về chiều sâu nhằm hướng đến xây dựng một Cộng đồng Kinh tế ASEAN phát triển bền vững. Bên cạnh đó với sáng kiến Hợp tác kinh tế Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) được khởi xướng năm 1992 bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Việt Nam là một trong 06 nước thành viên của Tiểu vùng Mekong mở rộng gồm: Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc (*với 2 tỉnh đại diện là Vân Nam và Quảng Tây*). Do vậy, phát triển du lịch sẽ góp phần quan trọng trong thúc đẩy kinh tế đất nước, thúc đẩy quá trình hội nhập và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Việc đẩy mạnh việc phát triển du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam và với cả các nước Tiểu vùng sông Mekong. Bởi trong bối cảnh hội nhập hiện nay, với vị trí chiến lược của Vùng, nó có thể thúc đẩy sự phát triển du lịch liên vùng, liên quốc gia; có thể kết nối với nhiều tuyến du lịch bằng đường bộ, đường sông, đường biển, đường không tại các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) và một số tuyến nối dài với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS). Ngoài ra, Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nằm ở hạ lưu sông Mekong, vì vậy việc phát triển du lịch bền vững, đặc biệt các loại hình du lịch trên dòng Mekong sẽ góp phần cùng với các nước Tiểu vùng sông Mekong thực hiện thành công kế hoạch “Hành động Thập kỷ Mekong xanh” về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý bền vững nguồn nước sông Mekong.

Đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến phát triển du lịch và du lịch bền vững tại một số địa phương hay cả Vùng đồng bằng sông Cửu Long như Trần Mai Ước (2010), Nguyễn Đình Toàn (2013), Nguyễn Quyết Thắng (2016),... Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào xem xét sự phát triển du lịch bền vững tại Vùng đồng bằng sông Cửu Long trên góc độ hội nhập quốc tế. Riêng nghiên cứu của Nguyễn Quyết Thắng (2016) chủ yếu dựa trên kinh nghiệm

phát triển du lịch bền vững của các nước Tiểu vùng sông Mekong để đề xuất giải pháp cho Vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, dựa trên việc xem xét đánh giá thực trạng phát triển du lịch, kết hợp với việc đi sâu tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch bền vững tại Vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm đưa ra các giải pháp phát triển cho Vùng mang tính toàn diện trong bối cảnh hội nhập quốc tế là việc làm cần thiết hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Phát triển du lịch bền vững đang là mục tiêu của nhiều vùng, nhiều quốc gia. Việc phát triển du lịch bền vững phải đạt được sự hài hòa giữa các khía cạnh kinh tế - xã hội và môi trường (Buckley, 2012; Miller & Twining-Ward, 2005; UNEP & UNWTO, 2005). Có thể hiểu du lịch bền vững theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO): “Là loại hình du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại của du khách và của những vùng đón tiếp mà vẫn bảo đảm và cải thiện nguồn lực cho tương lai. Du lịch bền vững dẫn tới một phương thức quản lý tất cả các nguồn lực sao cho thỏa mãn nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ mà vẫn giữ gìn được sự trọn vẹn của văn hóa và môi trường sống” (UNWTO, 1999).

Phát triển du lịch phải dựa vào các điều kiện cơ bản, gồm các yếu tố thuộc cung và cầu du lịch. Theo Nguyễn Văn Hóa (2009) các yếu tố thuộc cung du lịch gồm: (1) Yếu tố mang tính đặc trưng chung (như điều kiện an ninh, chính trị, an toàn xã hội, sự phát triển kinh tế của quốc gia...), (2) Yếu tố thuộc về tài nguyên du lịch, (3) Yếu tố tổ chức, quản lý (chính sách, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực, công tác tổ chức quảng bá, phát triển sản phẩm, điều kiện an ninh...), (4) Yếu tố về kỹ thuật (cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất ngành du lịch), (5) Các yếu tố đặc trưng khác...

Bên cạnh các yếu tố thuộc cung du lịch thì những yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững là các yếu tố như quản lý và bảo vệ môi trường, giáo dục cộng đồng (Buckley, 2012, Nguyễn Văn Hóa, 2009, Nguyễn Quyết Thắng, 2016).

Nghiên cứu của Vũ Văn Đông (2016) tại Bà Rịa – Vũng Tàu đã chỉ ra có 04 nhóm yếu tố ảnh hưởng mạnh đến phát triển du lịch bền vững gồm: (i) Các hoạt động kinh tế (tăng trưởng kinh tế, đầu tư cho du lịch, chính sách du lịch, chi phí du lịch...), (ii) Các hoạt động xã hội (an toàn, dịch vụ phong phú...), (iii) Các hoạt động môi trường (ý thức bảo vệ môi

trường, mức độ ô nhiễm), (iiii) Chất lượng sản phẩm du lịch (sự đa dạng, chất lượng sản phẩm...).

Nghiên cứu của Nguyễn Quyết Thắng (2017) về các yếu tố thành công then chốt cho việc phát triển du lịch bền vững cũng đã chỉ ra 06 nhóm yếu tố: (1) Lợi thế vị trí (sự đa dạng, tính hấp dẫn của nguồn tài nguyên), (2) Marketing, (3) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cho du lịch, (4) Đào tạo nguồn nhân lực, (5) Yếu tố chính sách, quản lý, (6) Yếu tố về môi trường (gồm: an ninh - an toàn, bảo vệ tài nguyên môi trường và văn hóa).

Riêng Vùng đồng bằng sông Cửu Long - là cửa ngõ nối với các nước Đông Nam Á và ASEAN thông qua việc di chuyển bằng đường bộ, đường không, đường sông và đường biển. Hiện tại nhiều tour du lịch đã được khai thác từ các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đi qua Campuchia đến Lào và Thái Lan theo tuyến đường bộ. Vì vậy, sau khi thảo luận với 06 chuyên gia, các chuyên gia đều đồng ý đưa vào 09 yếu tố, trong đó có 08 yếu tố kế thừa và cần xem xét thêm yếu tố “liên kết vùng” (hình 2) nhằm tạo lợi thế trong thu hút khách du lịch đến Vùng trong bối cảnh hội nhập. Trong nghiên cứu này, để có thể đề xuất các giải pháp một cách khách quan và toàn diện, nghiên cứu đi vào đánh giá thực trạng phát triển du lịch và tìm hiểu sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững của Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Về dữ liệu nghiên cứu

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được lấy từ số liệu từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Du lịch, Hiệp hội Du lịch Đồng bằng Sông Cửu Long các địa phương và một số nguồn khác. Nguồn số liệu sơ cấp là số liệu về cơ cấu khách quốc tế theo quốc tịch đến Vùng đồng bằng sông Cửu Long tại 04 tỉnh Kiên Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Bến Tre được rút ra từ của cuộc điều tra về đặc điểm khách du lịch đến vùng năm 2016. Số phiếu được tính theo công thức:

$$n = \frac{Ns^2 \times Z^2}{N \times \Delta^2 x + s^2 \times Z^2}$$

(Trong đó: N : Lượng khách dự kiến thời điểm điều tra; δ độ tin cậy = 95%; Δx trong phạm vi cho phép = 5%; s : là độ lệch chuẩn).

Quy mô mẫu điều tra thực tế là 550 khách, sau khi loại đi những mẫu hỏng thì còn lại 436. Ngoài ra, chúng tôi còn thảo luận với 06 chuyên gia để tìm

hiểu các yếu tố ảnh hưởng và xây dựng bảng câu hỏi. Nhóm nghiên cứu cũng điều tra 12 chuyên gia là cán bộ quản lý du lịch, quản lý điểm tài nguyên và doanh nghiệp du lịch năm 2015 và 2016 về các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập. Việc kéo dài thời điểm điều tra kéo dài từ cuối năm 2015 đến năm 2016 với nỗ lực mở rộng số lượng chuyên gia điều tra và xem xét thêm các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch bền vững của Vùng.

2.2.2. Về phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong bài viết là phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp thống kê, phương pháp điều tra được sử dụng trong việc chọn địa điểm nghiên cứu, chọn mẫu điều tra, lựa chọn tiêu chí phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng phát triển du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập

Thực trạng phát triển du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập được thể hiện qua các mặt sau:

3.1.1. Số lượng khách du lịch đến Vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm vừa qua, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã có sự phát triển du lịch nhanh chóng. Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Du lịch Việt Nam (2017), số liệu của Hiệp hội du lịch Đồng bằng sông Cửu Long (2016) qua các năm thì tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2012 đến 2016 tăng 8,82%/năm, khách quốc tế là 7,43% và khách nội địa là 9,03% thể hiện tại Bảng 1.

Doanh thu du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2014 đạt 6.360 tỷ VND, năm 2016 ước đạt 8522,4 tỷ VND (Hiệp hội Du lịch Đồng bằng sông Cửu Long, 2016). Tuy nhiên, tỷ lệ khách quốc tế so với tổng số khách đến Vùng mới chỉ chiếm có 8,03% trong năm 2016. Điều này phản ánh thực trạng thu hút khách quốc tế đến vùng chưa cao.

Theo điều tra của chúng tôi năm 2016 thì cơ cấu khách quốc tế theo quốc tịch đến Vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thể hiện tại Hình 1.

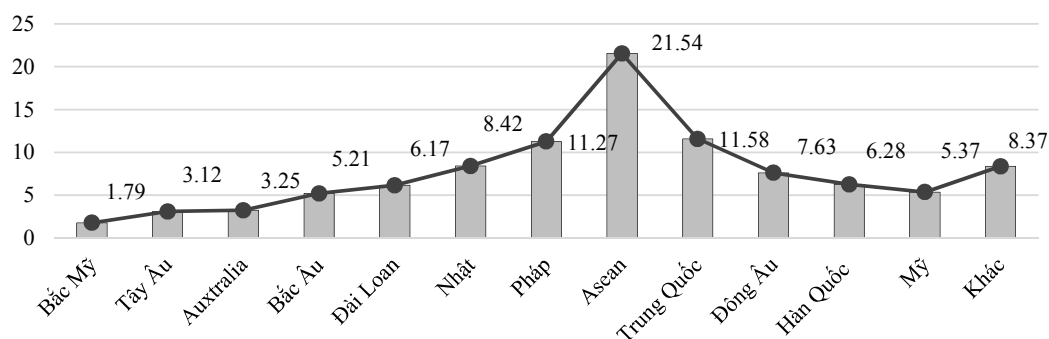
Đối với khách quốc tế đến Vùng đồng bằng sông Cửu Long thì đông nhất vẫn là khách Asean (21,54%), đặc biệt Campuchia, Thái Lan đi bằng đường bộ do hệ thống đường bộ qua Campuchia đến Lào và Thái Lan được các nước đầu tư mạnh những

Bảng 1: Số lượng khách du lịch đến vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012- 2016

Đơn vị tính: nghìn lượt khách, (%)

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	2016	TĐTBQ
1. Khách du lịch đến Việt Nam	39,347.7	42,572.3	46,374.3	64,943.6	72,012.7	16.3%
- Quốc tế	6,847.7	7,572.3	7,874.3	7,943.6	10,012.7	9.96%
- Nội địa	32,500	35,000	38,500	57,000	62,000	17.5%
2. Khách đến Vùng đồng bằng sông Cửu Long	15,934	17,904	22,100	26,334	29,593	16.7%
- Quốc tế	1,286	1,668	1,830	1,902	2,379	16.6%
- Nội địa	14,648	16,236	20,270	24,432	27,214	16.8%
3. % so với cả nước	40,5%	42,1%	47,7%	40,5%	41,1%	-

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Du lịch (2017) và Hiệp hội Du lịch đồng bằng sông Cửu Long (2016)

Hình 1: Cơ cấu khách quốc tế đến Vùng đồng bằng sông Cửu Long

Nguồn: Điều tra của tác giả, 2016

năm qua, nhiều chương trình (tour) du lịch qua các nước cũng được mở ra. Khách một số thị trường khác như Nhật Bản, Bắc Âu và Mỹ mặc dù có tăng nhưng không đáng kể.

3.1.2. Về đầu tư cơ sở vật chất cho phát triển hoạt động du lịch

Việc đầu tư phát triển hoạt động du lịch tại Vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây. Tổng giá trị đầu tư vào cơ sở hạ tầng năm 2013 là 418,521 tỷ VND, trong đó Kiên Giang chiếm lớn nhất là 260,600 tỷ VND (Tổng cục du lịch, 2015). Trong tổng nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch Vùng, có gần 70% nguồn vốn đầu tư vào các khu du lịch; 30% đầu tư vào các cơ sở hạ tầng du lịch như: điện, nước, bến

cảng phục vụ du lịch, hệ thống xử lý rác thải, tuyến đường phục vụ du lịch,... (Tổng cục Du lịch, 2015).

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch như hệ thống khách sạn, nhà hàng, phương tiện vận chuyển du lịch,... cũng được đầu tư và phát triển mạnh tăng nhanh qua các năm. Số lượng cơ sở lưu trú du lịch năm 2010 là 1011 cơ sở, với 20.014 buồng thì đến năm 2015 là 1.672 cơ sở, với 34.216 buồng. Riêng với các điểm tài nguyên du lịch, đã có rất nhiều dự án đã và đang xúc tiến đầu tư do các doanh nghiệp trực tiếp đầu tư với số vốn đầu tư lớn, đặc biệt là tại các khu vực và tài nguyên trọng điểm như được thể hiện tại Bảng 2.

Nhiều dự án lớn về du lịch đã được đầu tư tại các địa phương, đặc biệt là tại Phú quốc như khách sạn

Bảng 2: Một số dự án trọng điểm về du lịch giai đoạn 2005 - 2015

TT	DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ
1.	Trung tâm du lịch Phú Quốc	400 triệu USD
2.	Khu du lịch làng nổi Tân Lập (Long An)	15 triệu USD
3.	Khu du lịch Côn Phụng – Bến Tre	10 Triệu USD
4.	Làng Du lịch cù lao Thới Sơn (Tiền Giang)	20 triệu USD
5.	Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười	4 triệu USD
6.	Khu du lịch Sinh thái, văn hóa Núi Sam (An Giang)	50 triệu USD
7.	Khu du lịch sinh thái Cồn Phó Quế (Tiền Giang)	2 triệu USD

Nguồn: *Sơ Kế hoạch và đầu tư các tỉnh Vùng đồng bằng sông Cửu Long (2015)*

Intercontinental, Vinpearl Phú Quốc. Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh việc hội nhập khu vực thì việc hợp tác, mở các tour du lịch liên kết với các nước cũng đã được triển khai như mở tuyến du lịch biển nổi tình Kép (Campuchia) với thị xã Hà Tiên - Kiên Giang, mở tuyến du lịch đường biển từ thị xã Hà Tiên và huyện đảo Phú Quốc của tỉnh Kiên Giang đến tỉnh Preah Sihanouk (Campuchia) và ngược lại... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều nhược điểm như việc đầu tư tại nhiều nơi còn dàn trải nên chưa thực sự

hiệu quả; việc đầu tư khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên tại nhiều khu vực đã làm ảnh hưởng các hệ sinh thái; vấn đề về xử lý môi trường của các nhà hàng, khách sạn chưa tốt... (Nguyễn Quyết Thắng, 2016).

3.1.3. Việc phát triển sản phẩm du lịch

Trong những năm qua, nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn cũng đã được mở rộng và triển khai tại Vùng, trong đó có nhiều sản phẩm đặc thù như được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3: Một số sản phẩm du lịch đặc thù được đầu tư phát triển giai đoạn 2010 - 2015

TT	Sản phẩm	Địa điểm tiêu biểu
1.	Thăm quan miệt vườn và trải nghiệm cuộc sống người nông dân trên lưu vực sông Tiền và Sông Hậu	Cù lao Thới Sơn (Tiền Giang), cù lao An Bình (Vĩnh Long), cù lao Phụng (Bến Tre)
2.	Thăm quan và trải nghiệm cuộc sống người dân vùng sông nước tại các phiên chợ nổi	Chợ nổi Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang)
3.	Thăm quan cảnh quan và trải nghiệm giá trị cảnh quan, sinh thái và đa dạng sinh học đất ngập nước nội địa (rừng Tràm)	Vườn quốc gia Tràm Chim, Gò Tháp, Xẻo Quýt (Đồng Tháp), KBT đất ngập nước Láng Sen, Tân Lập (Long An), Trà Sư (An Giang), Vườn quốc gia U Minh Thượng (Kiên Giang), Vườn quốc gia U Minh Hạ (Cà Mau), v.v.
4.	Tham quan các sân chim	Tam Nông, Gò Tháp (Đồng Tháp), Bạc Liêu, Ba Tri (Bến Tre) v.v.
5.	Thăm quan cảnh quan và trải nghiệm các giá trị sinh thái rừng ngập mặn	Khu dự trữ sinh quyển- Vườn quốc gia Đất Mũi (Cà Mau), rừng ngập mặn ven biển Bạc Liêu, v.v.
6.	Thăm quan cảnh quan và trải nghiệm hệ sinh thái biển đảo ở hệ thống các đảo ven bờ vùng vịnh Thái Lan	Đảo Phú Quốc, Hải Tặc (Kiên Giang), Hòn Khoai (Cà Mau)
7.	Trải nghiệm cảnh quan và cuộc sống người dân trong mùa nước nổi	Vùng trũng Đồng Tháp Mười (Đồng Tháp và Long An)

Nguồn: *Tổng hợp của tác giả, 2017*

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có những tiềm năng du lịch dồi dào và độc đáo, không giống bất kỳ vùng miền nào trên cả nước, có thể phát triển nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc. Tuy nhiên, việc phát triển sản phẩm của vùng vẫn bị trùng lặp, thiếu những sản phẩm đặc sắc và chưa khai thác được lợi thế của mỗi địa phương, đồng thời dễ nảy sinh những hiện tượng cạnh tranh trong nội bộ Vùng làm giảm hiệu quả kinh doanh du lịch và ảnh hưởng tới hình ảnh, cũng như chất lượng sản phẩm du lịch nói chung của toàn Vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tổng cục Du lịch, 2015).

3.1.4. Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch

Theo đánh giá của Vụ Đào tạo – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014) thì lực lượng lao động trong ngành du lịch của toàn Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian gần đây cũng tăng đáng kể. Năm 2000 lực lượng lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 5.956 người, đến cuối năm 2013 là 23.509 người (Vụ Đào tạo, 2014). Trong khi đó theo tính toán nhu cầu nhân lực để phát triển du lịch đến năm 2020 cần 208.000 người. Như vậy, với số lượng như hiện tại nguồn nhân lực của Vùng chỉ chiếm 11% nhu cầu đến năm 2020. Bên cạnh việc thiếu về số lượng thì chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc ngày càng sâu và rộng (Vụ Đào tạo, 2014). Đặc biệt, số lượng nhân lực phục vụ du lịch biết được ngoại ngữ các nước như tiếng Thái, Myanmar, Trung Quốc,... vẫn còn ở mức thấp. Điều này làm hạn chế cho việc liên kết phát triển du lịch với các nước Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS).

3.1.5. Công tác quản lý tài nguyên, giáo dục và bảo vệ môi trường

Công tác quản lý tài nguyên du lịch vẫn còn nhiều bất cập, chông chéo giữa các ban ngành (Tổng cục Du lịch, 2015). Công tác giáo dục môi trường du lịch dành cho các đối tượng là cán bộ quản lý du lịch, doanh nghiệp, hướng dẫn viên, cộng đồng cư dân địa phương và du khách đã được các địa phương trong Vùng quan tâm hơn. Tuy nhiên, theo đánh giá thì công tác giáo dục môi trường ở hầu hết các địa phương vẫn chưa được tổ chức thường xuyên liên tục. Tỷ lệ người dân nắm bắt được thông tin về hoạt động du lịch thông qua việc tuyên truyền trực tiếp dưới 60%. Việc giáo dục cho du khách vẫn chủ yếu sử dụng ấn phẩm, rất ít điểm tài nguyên có diễn giải

môi trường và các hình thức khác... (Nguyễn Quyết Thắng, 2016). Được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong hợp tác phát triển du lịch bền vững Lào - Việt Nam – Campuchia, ba nước đã triển khai 13 dự án hợp tác phát triển du lịch hướng đến việc xóa đói, giảm nghèo cho cộng đồng và phát triển bền vững từ năm 2009 (SNV, 2011; TDD, 2015).

3.1.6. Công tác quảng bá cho du lịch

Trong những năm vừa qua, rất nhiều sự kiện lớn đã được tổ chức tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long như: Lễ hội trái cây, lễ hội ẩm thực “Đất phương Nam” diễn ra hàng năm tại các địa phương, Tuần lễ Du lịch xanh Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 và mới đây nhất là sự kiện “Năm Du lịch quốc gia 2016 - Phú Quốc - Đồng bằng sông Cửu Long” với chủ đề “Khám phá đất phương Nam”,... Các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng đã chủ động quảng bá du lịch thông qua các ấn phẩm, video clip, quảng bá qua Internet và tổ chức các hội thảo chuyên đề,...

Tuy nhiên, theo đánh giá chung thì công tác xúc tiến, quảng bá du lịch của Vùng vẫn chưa được thực hiện bài bản, chuyên nghiệp. Toàn Vùng vẫn chưa có kế hoạch, chương trình quảng bá và xúc tiến du lịch chung nhằm xây dựng và quảng bá hình ảnh du lịch Đồng bằng sông Cửu Long từ đó chưa phát huy được hiệu quả đối với du lịch trong Vùng (Tổng cục Du lịch, 2015). Đặc biệt, việc liên kết với các địa phương Campuchia có đường biên giới chung để phối hợp tổ chức các sự kiện vẫn chưa được đẩy mạnh.

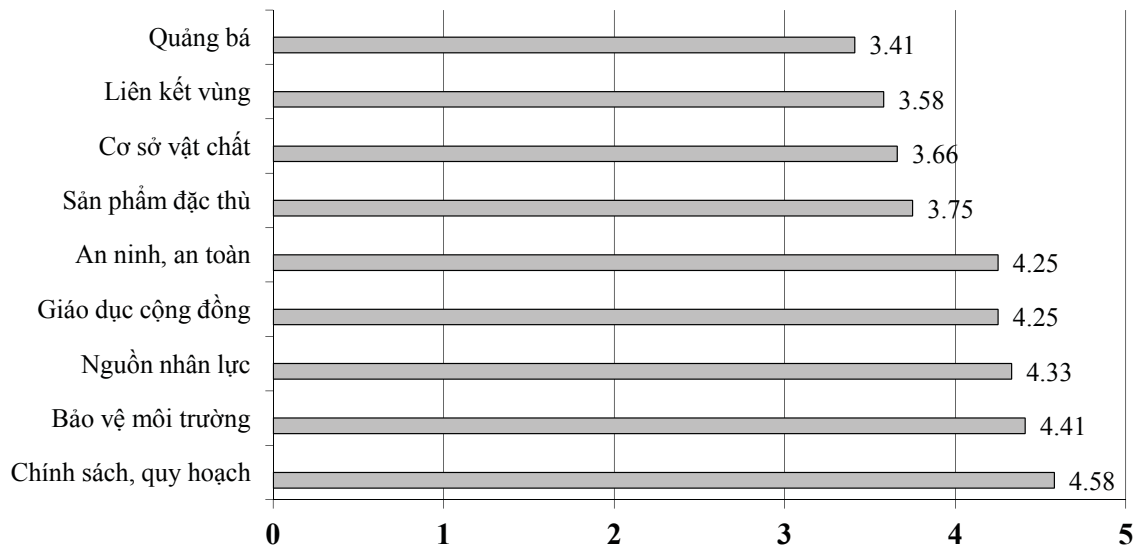
3.1.7. Các công tác khác

Một số mặt công tác khác như chính sách, quy hoạch, an ninh – an toàn,... mặc dù đã được đẩy mạnh nhưng vẫn còn rời rạc, thiếu tính hệ thống trong các chính sách và quy hoạch Vùng. Công tác an ninh – an toàn tuy đã được tăng cường trong những năm qua nhưng vẫn còn xuất hiện những tình trạng ăn xin, bán hàng rong... làm ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch của Vùng.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập

Để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập, chúng tôi đã tiến hành điều tra ý kiến 12 chuyên gia. Tổng hợp kết quả điều tra chuyên gia thì 09 yếu tố được các chuyên gia có mức ảnh hưởng quan trọng đến sự

Hình 2: Tổng hợp ý kiến chuyên gia về các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long



Ghi chú: Đánh giá với mức độ: 1 – Hoàn toàn không quan trọng; 2 – Không quan trọng lắm; 3 – Tương đối quan trọng; 4 – Quan trọng; 5 – Rất quan trọng

Nguồn: Điều tra của tác giả, 2015.

phát triển du lịch bền vững của Vùng thể hiện qua Hình 2.

Kết quả điều tra chuyên gia đã cho thấy nhóm các yếu tố gồm: Chính sách và quy hoạch; Bảo vệ môi trường; nguồn nhân lực; Giáo dục cộng đồng và an ninh, an toàn đều là yếu tố rất quan trọng vì có số điểm trung bình lớn hơn 4,21; còn các yếu tố còn lại đều là yếu tố quan trọng vì có số điểm từ 3,41 trở lên theo mức đo của thang đo Likert (Hoàng Trọng & Chu Nguyên Mộng Ngọc, 2008). Trong các yếu tố ảnh hưởng thì yếu tố có số điểm cao nhất là chính sách và quy hoạch (4,58 điểm). Hiện tại, Chính phủ (2016) đã phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030*” và một số địa phương trong Vùng cũng đã triển khai quy hoạch phát triển du lịch trước khi có quy hoạch Vùng, do đó các chuyên gia lưu ý cần sớm rà soát lại quy hoạch của các địa phương cho đồng bộ với quy hoạch Vùng, tránh việc quy hoạch chồng chéo, không tạo được lợi thế so sánh của từng địa phương. Đặc biệt, cần xây dựng thêm quy hoạch các tuyến du lịch, điểm du lịch trọng điểm. Yếu tố tiếp theo cần được quan tâm là bảo vệ môi trường bao gồm cả môi trường tự nhiên và văn hóa của Vùng có số điểm rất cao (4,41 điểm). Các chuyên gia lưu ý nếu không bảo vệ tốt

nguồn tài nguyên tự nhiên thì sẽ mất đi lợi thế của Vùng trong việc thu hút khách. Riêng về yếu tố liên kết vùng có số điểm cao (3,58), vì vậy, bên cạnh việc đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm đặc thù của Vùng, cũng cần đẩy mạnh việc liên kết giữa các địa phương trong Vùng và với các khu vực khác của các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng và các nước trong khu vực.

Điều tra trên đây chỉ mới là bước đầu nhưng nó cũng cho chúng ta thấy những công tác cần triển khai để du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long trở nên bền vững hơn trong bối cảnh hội nhập; chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

3.3. Một số giải pháp đề ra

3.3.1. Tạo cơ chế, chính sách và triển khai quy hoạch phát triển du lịch bền vững

Cần phải xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động du lịch. Việc ban hành chính sách cần tham chiếu với các nước Tiểu vùng sông Mekong nhằm đảm bảo tính đồng nhất cho sự phát triển liên vùng, liên quốc gia một cách bền vững. Theo chúng tôi, trước hết chúng ta cần ban hành các nhóm chính sách sau:

- Xây dựng hướng dẫn cho du lịch bền vững. Hoàn thiện các chính sách liên quan đến việc phát

triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa;

- Các chính sách liên quan đến việc triển khai quy hoạch, phát triển các vùng, các điểm du lịch trọng điểm;

- Các chính sách liên quan đến công tác quản lý khách du lịch; phối hợp giám sát các điểm tài nguyên; chính sách liên quan đến cộng đồng địa phương;

- Các chính sách liên quan đến phát triển nguồn nhân lực; công tác quảng bá; phát triển các sản phẩm du lịch.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tại Vùng vừa được phê duyệt, cần xây dựng các quy hoạch du lịch cho từng địa phương và các quy hoạch chi tiết cho từng cụm và từng điểm tài nguyên. Trong quá trình lập quy hoạch cần phải đặt mục tiêu gắn lợi ích của cộng đồng với việc bảo vệ, tránh làm cạn kiệt nguồn tài nguyên và tàn phá môi trường.

3.3.2. Nâng cao công tác bảo vệ môi trường cho du lịch bền vững

Cần đề ra một cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên nhằm hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại Vùng. Bên cạnh đó cần phải làm tốt và đồng bộ các công tác khác như: *Tạo cơ chế, phối hợp và chính sách phát triển du lịch bền vững; Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng...* Ngoài ra, phải đẩy mạnh công tác giáo dục về môi trường, công tác này không chỉ dừng lại ở du khách và cộng đồng cư dân địa phương mà còn phải tiến hành cho các nhà lập chính sách, các nhà quản lý; các đơn vị và đối tượng kinh doanh du lịch tại các điểm tài nguyên. Cần hợp tác với các địa phương Campuchia triển khai công tác này nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên giữa hai nước (Nguyễn Quyết Thắng, 2016). Hợp tác với các nước trên dòng Mekong để khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong.

3.3.3. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực

Để làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch Vùng đồng bằng sông Cửu Long, cần tiến hành đồng bộ từ nhiều nguồn (cả trong nước lẫn nước ngoài) bằng nhiều hình thức. Cần phải có chính sách đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ nhân lực cho ngành du lịch. Xây dựng và phát triển các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch có chất lượng cao tại một số địa phương trong Vùng. Cần hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mekong trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là đào tạo một đội ngũ

hướng dẫn viên, phục vụ du lịch có ngoại ngữ là các nước thuộc tiểu Vùng nhằm chuẩn bị cho sự phát triển du lịch trong tương lai. Ngoài ra, cũng cần đẩy mạnh đào tạo các ngoại ngữ thuộc thị trường khách trọng điểm đến Vùng như tiếng Nhật, tiếng Trung và tiếng Pháp.

3.3.4. Đẩy mạnh công tác giáo dục cộng đồng và nâng cao điều kiện an ninh, an toàn

Phải tuyên truyền và giáo dục cộng đồng về du lịch bền vững để cộng đồng hiểu và ủng hộ. Việc tuyên truyền và giáo dục phải dựa trên nhiều hình thức và phương tiện. Bên cạnh việc sử dụng các phương tiện như ti vi, radio,... Cần có các hình thức truyền thông trực tiếp như: *phân phát ấn phẩm tận nhà, tổ chức các buổi nói chuyện, phát động các phong trào bảo vệ môi trường thường xuyên...* Ngoài ra, cần tiếp tục tăng cường công tác an ninh – an toàn cho du khách đến Vùng như nâng cao điều kiện an toàn đối với các phương tiện chở khách; gắn biển cảnh báo đối với các đường mòn nguy hiểm. Bên cạnh đó, cần chấn chỉnh các tệ nạn ăn xin, bán hàng rong, chèn ép khách,... tại các điểm tài nguyên. Để làm tốt điều này, ngoài công tác quản lý của cơ quan chức năng, cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, xã hội và của người dân nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh đẹp và thân thiện trong mắt du khách.

3.3.5. Đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm đặc thù và đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho du lịch

Cần đẩy mạnh đầu tư và khai thác lợi thế tài nguyên để phát triển các sản phẩm đặc thù như Du lịch miệt vườn trải nghiệm cuộc sống cộng đồng; Trải nghiệm cuộc sống người dân vùng sông nước tại các phiên chợ nổi; Du lịch tham quan các sân chim, đất ngập nước,... Đặc biệt, cần đầu tư, phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển Phú Quốc thành khu du lịch cao cấp có thể cạnh tranh với các điểm du lịch khác trong khu vực. Cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như hỗ trợ việc nghiên cứu, quảng bá các chương trình, sản phẩm du lịch đặc thù; hỗ trợ cho doanh nghiệp việc vay vốn phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù.

Cần đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cho du lịch, đặc biệt là cơ sở hạ tầng dẫn đến các điểm tài nguyên nhằm tạo điều kiện lôi kéo các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào khu vực này. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ khác như nguồn vốn hỗ trợ của các nước; nguồn hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức phi

chính phủ, tổ chức xã hội. Cần xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho du lịch, đặc biệt là vốn xây dựng cơ sở vật chất du lịch như hệ thống nghỉ dưỡng, ăn uống, thông tin, dịch vụ du lịch... Đặc biệt, cần phối hợp với các nước Tiểu vùng sông Mekong trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm nối kết các tuyến, điểm du lịch giữa các nước.

3.3.6. *Đẩy mạnh công tác liên kết vùng và quảng bá cho du lịch*

Cần tiếp tục đẩy mạnh việc liên kết, hợp tác cùng phát triển giữa các địa phương trong Vùng. Cần cần nhắc thành lập “Ban điều phối” du lịch cho toàn Vùng nhằm điều phối được việc phát triển du lịch. khai thác được lợi thế so sánh của từng địa phương, tránh được sự trùng lặp trong phát triển sản phẩm du lịch. Cần có cơ chế khuyến khích việc thúc đẩy sự hợp tác giữa các điểm đến, các cơ sở du lịch trong Vùng. Việc liên kết không chỉ dừng lại ở các địa phương Vùng đồng bằng sông Cửu Long mà còn với các địa phương giáp biên giới của Campuchia nhằm phát huy lợi thế trong phát triển du lịch.

Về công tác quảng bá cho du lịch thì để làm tốt công tác này, theo chúng tôi, các địa phương trong Vùng cần sử dụng các kinh nghiệm lồng ghép như việc cung cấp các thông tin dưới dạng tập gấp, tờ rơi, sách hướng dẫn, bản đồ... phân phối miễn phí cho du khách thông qua các hãng, đại lý du lịch, các tổ chức môi trường, các trung tâm thông tin, các cửa khẩu đón khách... Đẩy mạnh việc đưa nội dung giới thiệu về tài nguyên du lịch tự nhiên, các chương trình

và sản phẩm du lịch của Vùng lên mạng internet; tổ chức các cuộc hội thảo, họp báo giới thiệu về tiềm năng du lịch của Vùng. Trong công tác quảng bá cần nhấn mạnh đến các nguyên tắc cho sự phát triển du lịch bền vững tại các địa phương này.

4. **Kết luận**

Phát triển du lịch bền vững sẽ đóng vai trò tích cực đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Nó không chỉ thúc đẩy sự phát triển hoạt động du lịch nói chung; mà còn góp phần bảo vệ môi trường, khai thác lợi thế tài nguyên, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng. Bên cạnh việc đánh giá thực trạng, nghiên cứu này đã đi sâu tìm ra 09 yếu tố có ảnh hưởng để từ đó có cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững của Vùng. Nhìn chung, để thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập hiện nay cần thực hiện đồng bộ 6 giải pháp từ tạo cơ chế chính sách, quy hoạch; bảo vệ môi trường; đào tạo nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác giáo dục cộng đồng và nâng cao điều kiện an ninh, an toàn; phát triển sản phẩm đặc thù và đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho du lịch; đẩy mạnh công tác liên kết vùng và quảng bá cho du lịch. Trong quá trình tổ chức và phát triển hoạt động du lịch rất cần có sự hợp tác, nghiên cứu và tham chiếu với các nước trong khu vực, nhất là các nước tiểu vùng sông Mekong nhằm tạo sự thống nhất đảm bảo được tính bền vững và đạt được những mục tiêu chung đề ra.

Lời thừa nhận/cám ơn: Cám ơn Quý Chuyên gia đã hỗ trợ thực hiện khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long; Cám ơn Quý Thầy/Cô và sinh viên Khoa Quản trị Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech) và các cộng tác viên đã giúp tôi điều tra số liệu về đặc điểm khách du lịch tại Vùng.

Tài liệu tham khảo

- Buckley, R. (2012), ‘Sustainable Tourism: Research and Reality’, *Annals of Tourism Research*, 39(2), 528–546.
- Miller, G. & Twining-Ward, L. (2005), *Monitoring for a Sustainable Tourism Transition, The challenge of developing and using indicators*, CABI, Wallingford.
- Nguyễn Văn Hóa (2009), *Giáo trình quản trị du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Toàn (2013), ‘Phát triển du lịch bền vững từ đặc trưng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long’, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, 6 - 7/2013, 78 – 90.
- Nguyễn Quyết Thắng (2016), ‘Phát triển du lịch bền vững tại Tiểu vùng sông Mekong: Giải pháp cho đồng bằng Sông Cửu Long’, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 27(37), 85 – 93.
- Nguyễn Quyết Thắng (2017), ‘Nghiên cứu một số yếu tố thành công then chốt cho việc phát triển du lịch bền vững – Trường hợp nghiên cứu tại Phú Quốc’, *Tạp chí Châu Á – Thái Bình Dương*, 498, 124 – 126.
- Hiệp hội Du lịch Đồng bằng Sông Cửu Long (2016), *Báo cáo về tình hình thực hiện một số chỉ tiêu về du lịch từ 2010 đến 2015*, Cần Thơ.

- SNV (2011), *The Responsible Travel Market in Cambodia: A Scoping Study*, Netherlands Development Organisation.
- The Tourism Development Department (TDD) (2015), *The 2014 Statistical Report on Tourism in Lao*, published by: The Tourism Development Department (TDD), Ministry of Information, Culture and Tourism Lao.
- Tổng cục Du lịch (2015), *Đề án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù Đồng bằng Sông Cửu Long*, Hà Nội.
- Tổng Cục du lịch (2017), *Số liệu thống kê khách du lịch từ 2012 đến 2016*, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám thống kê 2015*, Hà Nội.
- Trần Mai Ước (2010), ‘Phát triển du lịch bền vững đồng bằng sông Cửu Long’, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, 8/2010, 25 – 26.
- UNEP & UNWTO (2005), *Making Tourism More Sustainable - A Guide for Policy Makers*, UNEP & WTO.
- Vụ Đào tạo – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Báo cáo đề xuất phát triển nguồn nhân lực đảm bảo phát triển toàn diện, bền vững Vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội.
- Vũ Văn Đông (2015), ‘Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa – Vũng Tàu’, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.